CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[Đã hợp nhất]

Quý : 04/2008

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		832.444.060.913	648.877.609.646	3.358.275.059.806	3.200.352.091.125
2. Các khoản giảm trừ	02		5.225.556.386	723.097.235	16.923.355.480	6.914.825.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	827.218.504.527	648.154.512.411	3.341.351.704.326	3.193.437.265.458
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	824.341.549.306	445.063.156.691	2.855.781.601.064	2.482.976.103.459
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20	20		2.876.955.221	203.091.355.720	485.570.103.262	710.461.161.999
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	37.943.986.925	18.259.116.626	167.170.633.705	64.769.470.314
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	49.006.004.435	6.940.823.743	164.995.758.964	41.518.465.678
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		39.837.898.175	856.706.903	81.974.273.303	22.534.758.258
8. Chi phí bán hàng	24		92.813.330.404	63.162.976.130	310.692.885.967	276.741.702.286
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.158.399.847	19.636.592.738	56.768.284.489	44.885.363.224
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (2	30		(128.156.792.240)	131.610.079.735	120.283.807.547	412.085.101.128
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.958.052.637	(517.226.668)	4.497.566.821	21.134.295.177
12. Chi phí khác	32	VI.06	276.113.571	541.347.583	1.349.464.596	16.647.392.434
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.681.939.066	(1.058.574.251)	3.148.102.225	4.486.902.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(126.474.853.174)	130.551.505.484	123.431.909.772	416.572.003.871
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	5.620.364.469	29.620.677.203	18.263.471.442	46.878.017.265
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(933.140.355)	(646.958.066)	(933.140.355)	(646.958.066)
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60		(131.162.077.288)	101.577.786.347	106.101.578.685	370.340.944.672
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2008

KT. Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thùy Vương

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Nguyễn Duy Nhứt